

<b>LỚP CHẤT LƯỢNG CAO</b> <b>TRUNG TÂM BÁCH KHOA HÀ NỘI</b> <b>ĐỀ ÔN SỐ 33</b>	<b>THI THỬ ĐẠI HỌC MÔN VẬT LÝ</b> <b>Thời gian làm bài: 40 phút</b> (50 câu trắc nghiệm)
--	--

**Họ và tên thí sinh:**

**Đề thi và đáp án có trên trang web của thầy: [vatlyhanoi.com](http://vatlyhanoi.com)**

**Cho các hằng số**  $h = 6,625 \cdot 10^{-34} \text{ J}\cdot\text{s}$ ,  $c = 3 \cdot 10^8 \text{ m/s}$ ,  $m_e = 9,1 \cdot 10^{-31} \text{ kg}$ ,  $e = 1,6 \cdot 10^{-19} \text{ C}$ ,  $N_A = 6,022 \cdot 10^{23}$   
 $1 \text{ u} = 931,5 \text{ MeV}/c^2$ ,  $g = 10 \text{ m/s}^2$ .

**Câu 1:** Trong nguyên tử hiđrô, bán kính Bo là  $r_0 = 5,3 \cdot 10^{-11} \text{ m}$ . Ở một trạng thái kích thích của nguyên tử hiđrô, electron chuyển động trên quỹ đạo dừng có bán kính là  $r = 2,12 \cdot 10^{-10} \text{ m}$ . Quỹ đạo đó có tên gọi là quỹ đạo dừng

- A. L.                                      B. N.                                      C. O.                                      D. M.

**Câu 2:** Một chất điểm dao động điều hoà theo phương trình  $x = 4 \cos \frac{2\pi}{3} t$  (x tính bằng cm; t tính bằng s).

Kể từ  $t = 0$ , chất điểm đi qua vị trí có li độ  $x = -2 \text{ cm}$  lần thứ 2011 tại thời điểm

- A. 6030 s.                                      B. 3016 s.                                      C. 3015 s.                                      D. 6031 s.

**Câu 3:** Một nguồn điểm O phát sóng âm có công suất không đổi trong một môi trường truyền âm đẳng hướng và không hấp thụ âm. Hai điểm A, B cách nguồn âm lần lượt là  $r_1$  và  $r_2$ . Biết cường độ

âm tại A gấp 4 lần cường độ âm tại B. Tỉ số  $\frac{r_2}{r_1}$  bằng

- A. 4.                                      B. 2.                                      C.  $\frac{1}{2}$ .                                      D.  $\frac{1}{4}$ .

**Câu 4:** Một học sinh quấn một máy biến áp với dự định số vòng dây của cuộn sơ cấp gấp hai lần số vòng dây của cuộn thứ cấp. Do sơ suất nên cuộn thứ cấp bị thiếu một số vòng dây. Muốn xác định số vòng dây thiếu để quấn tiếp thêm vào cuộn thứ cấp cho đủ, học sinh này đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng không đổi, rồi dùng vôn kế xác định tỉ số điện áp ở cuộn thứ cấp để hở và cuộn sơ cấp. Lúc đầu tỉ số điện áp bằng 0,43. Sau khi quấn thêm vào cuộn thứ cấp 24 vòng dây thì tỉ số điện áp bằng 0,45. Bỏ qua mọi hao phí trong máy biến áp. Để được máy biến áp đúng như dự định, học sinh này phải tiếp tục quấn thêm vào cuộn thứ cấp

- A. 60 vòng dây.                                      B. 84 vòng dây.                                      C. 100 vòng dây.                                      D. 40 vòng dây.

**Câu 5:** Bắn một prôtôn vào hạt nhân  ${}^7_3\text{Li}$  đứng yên. Phản ứng tạo ra hai hạt nhân X giống nhau bay ra với cùng tốc độ và theo các phương hợp với phương tới của prôtôn các góc bằng nhau là  $60^\circ$ . Lấy khối lượng của mỗi hạt nhân tính theo đơn vị u bằng số khối của nó. Tỉ số giữa tốc độ của prôtôn và tốc độ của hạt nhân X là

- A. 4.                                      B.  $\frac{1}{2}$ .                                      C. 2.                                      D.  $\frac{1}{4}$ .

**Câu 6:** Nếu nối hai đầu đoạn mạch gồm cuộn cảm thuần L mắc nối tiếp với điện trở thuần  $R = 1 \Omega$  vào hai cực của nguồn điện một chiều có suất điện động không đổi và điện trở trong r thì trong mạch có dòng điện không đổi cường độ I. Dùng nguồn điện này để nạp điện cho một tụ điện có điện dung  $C = 2 \cdot 10^{-6} \text{ F}$ . Khi điện tích trên tụ điện đạt giá trị cực đại, ngắt tụ điện khỏi nguồn rồi nối tụ điện với cuộn cảm thuần L thành một mạch dao động thì trong mạch có dao động điện từ tự do với chu kì bằng  $\pi \cdot 10^{-6} \text{ s}$  và cường độ dòng điện cực đại bằng 8I. Giá trị của r bằng

- A. 2  $\Omega$ .                                      B. 0,25  $\Omega$ .                                      C. 0,5  $\Omega$ .                                      D. 1  $\Omega$ .

**Câu 7:** Chất phóng xạ pôlôni  ${}^{210}_{84}\text{Po}$  phát ra tia  $\alpha$  và biến đổi thành chì  ${}^{206}_{82}\text{Pb}$ . Cho chu kì bán rã của  ${}^{210}_{84}\text{Po}$  là 138 ngày. Ban đầu ( $t = 0$ ) có một mẫu pôlôni nguyên chất. Tại thời điểm  $t_1$ , tỉ số giữa số hạt nhân pôlôni và số hạt nhân chì trong mẫu là  $\frac{1}{3}$ . Tại thời điểm  $t_2 = t_1 + 276$  ngày, tỉ số giữa số hạt nhân pôlôni và số hạt nhân chì trong mẫu là

- A.  $\frac{1}{9}$ .                                      B.  $\frac{1}{16}$ .                                      C.  $\frac{1}{15}$ .                                      D.  $\frac{1}{25}$ .

**Câu 8:** Một chất phát quang được kích thích bằng ánh sáng có bước sóng  $0,26 \mu\text{m}$  thì phát ra ánh sáng có bước sóng  $0,52 \mu\text{m}$ . Giả sử công suất của chùm sáng phát quang bằng 20% công suất của chùm sáng kích thích. Tỉ số giữa số photon ánh sáng phát quang và số photon ánh sáng kích thích trong cùng một khoảng thời gian là

- A.  $\frac{1}{10}$                       B.  $\frac{4}{5}$                       C.  $\frac{2}{5}$                       D.  $\frac{1}{5}$ .

**Câu 9:** Một con lắc đơn được treo vào trần một thang máy. Khi thang máy chuyển động thẳng đứng đi lên nhanh dần đều với gia tốc có độ lớn  $a$  thì chu kì dao động điều hoà của con lắc là 2,52 s. Khi thang máy chuyển động thẳng đứng đi lên chậm dần đều với gia tốc cũng có độ lớn  $a$  thì chu kì dao động điều hoà của con lắc là 3,15 s. Khi thang máy đứng yên thì chu kì dao động điều hoà của con lắc là

- A. 2,78 s.                      B. 2,96 s.                      C. 2,61 s.                      D. 2,84 s.

**Câu 10:** Đặt điện áp  $u = U\sqrt{2}\cos\omega t$  vào hai đầu một tụ điện thì cường độ dòng điện qua nó có giá trị hiệu dụng là  $I$ . Tại thời điểm  $t$ , điện áp ở hai đầu tụ điện là  $u$  và cường độ dòng điện qua nó là  $i$ . Hệ thức liên hệ giữa các đại lượng là

- A.  $\frac{u^2}{U^2} + \frac{i^2}{I^2} = 1$ .                      B.  $\frac{u^2}{U^2} + \frac{i^2}{I^2} = \frac{1}{4}$ .                      C.  $\frac{u^2}{U^2} + \frac{i^2}{I^2} = \frac{1}{2}$ .                      D.  $\frac{u^2}{U^2} + \frac{i^2}{I^2} = 2$ .

**Câu 12:** Một sợi dây đàn hồi căng ngang, đang có sóng dừng ổn định. Trên dây, A là một điểm nút, B là một điểm bụng gần A nhất, C là trung điểm của AB, với  $AB = 10 \text{ cm}$ . Biết khoảng thời gian ngắn nhất giữa hai lần mà li độ dao động của phần tử tại B bằng biên độ dao động của phần tử tại C là 0,2 s. Tốc độ truyền sóng trên dây là

- A. 0,25 m/s.                      B. 2 m/s.                      C. 0,5 m/s.                      D. 1 m/s.

**Câu 13:** Một đoạn mạch AB gồm hai đoạn mạch AM và MB mắc nối tiếp. Đoạn mạch AM gồm điện trở thuần  $R_1$  mắc nối tiếp với tụ điện có điện dung  $C$ , đoạn mạch MB gồm điện trở thuần  $R_2$  mắc nối tiếp với cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$ . Đặt điện áp xoay chiều có tần số và giá trị hiệu dụng không đổi vào hai đầu đoạn mạch AB. Khi đó đoạn mạch AB tiêu thụ công suất bằng 120 W và có hệ số công suất bằng 1. Nếu nối tắt hai đầu tụ điện thì điện áp hai đầu đoạn mạch AM và MB có cùng giá trị hiệu dụng nhưng lệch pha nhau  $\frac{\pi}{3}$ , công suất tiêu thụ trên đoạn mạch AB trong trường hợp này bằng

- A. 75 W.                      B. 90 W.                      C. 160 W.                      D. 180 W.

**Câu 14:** Thực hiện thí nghiệm Y-âng về giao thoa với ánh sáng đơn sắc màu lam ta quan sát được hệ vân giao thoa trên màn. Nếu thay ánh sáng đơn sắc màu lam bằng ánh sáng đơn sắc màu vàng và các điều kiện khác của thí nghiệm được giữ nguyên thì

- A. khoảng vân giảm xuống.                      B. vị trí vân trung tâm thay đổi.  
C. khoảng vân tăng lên.                      D. khoảng vân không thay đổi.

**Câu 15:** Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, hai khe được chiếu bằng ánh sáng đơn sắc, khoảng cách giữa hai khe là 0,6 mm. Khoảng vân trên màn quan sát đo được là 1 mm. Từ vị trí ban đầu, nếu tịnh tiến màn quan sát một đoạn 25 cm lại gần mặt phẳng chứa hai khe thì khoảng vân mới trên màn là 0,8 mm. Bước sóng của ánh sáng dùng trong thí nghiệm là

- A. 0,50  $\mu\text{m}$ .                      B. 0,48  $\mu\text{m}$ .                      C. 0,64  $\mu\text{m}$ .                      D. 0,45  $\mu\text{m}$ .

**Câu 16:** Một chất điểm dao động điều hoà trên trục Ox với biên độ 10 cm, chu kì 2 s. Mốc thế năng ở vị trí cân bằng. Tốc độ trung bình của chất điểm trong khoảng thời gian ngắn nhất khi chất điểm đi từ vị trí có động năng bằng 3 lần thế năng đến vị trí có động năng bằng  $\frac{1}{3}$  lần thế năng là

- A. 14,64 cm/s.                      B. 26,12 cm/s.                      C. 21,96 cm/s.                      D. 7,32 cm/s.

**Câu 17:** Một khung dây dẫn phẳng quay đều với tốc độ góc  $\omega$  quanh một trục cố định nằm trong mặt phẳng khung dây, trong một từ trường đều có vectơ cảm ứng từ vuông góc với trục quay của khung.

Suất điện động cảm ứng trong khung có biểu thức  $e = E_0\cos(\omega t + \frac{\pi}{2})$ . Tại thời điểm  $t = 0$ , vectơ pháp tuyến của mặt phẳng khung dây hợp với vectơ cảm ứng từ một góc bằng

- A.  $45^\circ$ .                      B.  $180^\circ$ .                      C.  $150^\circ$ .                      D.  $90^\circ$ .



**Câu 18:** Dao động của một chất điểm có khối lượng 100 g là tổng hợp của hai dao động điều hoà cùng phương, có phương trình li độ lần lượt là  $x_1 = 5\cos 10t$  và  $x_2 = 10\cos 10t$  ( $x_1$  và  $x_2$  tính bằng cm,  $t$  tính bằng s). Mốc thế năng ở vị trí cân bằng. Cơ năng của chất điểm bằng

- A. 225 J.                                      B. 0,1125 J.                                      C. 0,225 J.                                      D. 112,5 J.

**Câu 19:** Một con lắc đơn đang dao động điều hoà với biên độ góc  $\alpha_0$  tại nơi có gia tốc trọng trường là  $g$ . Biết lực căng dây lớn nhất bằng 1,02 lần lực căng dây nhỏ nhất. Giá trị của  $\alpha_0$  là

- A.  $9,6^\circ$ .                                      B.  $6,6^\circ$ .                                      C.  $5,6^\circ$ .                                      D.  $3,3^\circ$ .

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về sóng điện từ?

- A. Sóng điện từ truyền được trong chân không.  
 B. Khi sóng điện từ gặp mặt phân cách giữa hai môi trường thì nó có thể bị phản xạ và khúc xạ.  
 C. Trong sóng điện từ thì dao động của điện trường và của từ trường tại một điểm luôn đồng pha với nhau.  
 D. Sóng điện từ là sóng ngang nên nó chỉ truyền được trong chất rắn.

**Câu 21:** Một chất điểm dao động điều hoà trên trục Ox. Khi chất điểm đi qua vị trí cân bằng thì tốc độ của nó là 20 cm/s. Khi chất điểm có tốc độ là 10 cm/s thì gia tốc của nó có độ lớn là  $40\sqrt{3}$  cm/s<sup>2</sup>. Biên độ dao động của chất điểm là

- A. 5 cm.                                      B. 8 cm.                                      C. 4 cm.                                      D. 10 cm.

**Câu 22:** Nguyên tắc hoạt động của quang điện trở dựa vào

- A. hiện tượng quang điện trong.                                      B. hiện tượng tán sắc ánh sáng.  
 C. hiện tượng phát quang của chất rắn.                                      D. hiện tượng quang điện ngoài.

**Câu 23:** Giả sử trong một phản ứng hạt nhân, tổng khối lượng của các hạt trước phản ứng nhỏ hơn tổng khối lượng các hạt sau phản ứng là 0,02 u. Phản ứng hạt nhân này

- A. toả năng lượng 1,863 MeV.                                      B. toả năng lượng 18,63 MeV.  
 C. thu năng lượng 1,863 MeV.                                      D. thu năng lượng 18,63 MeV.

**Câu 24:** Tia Rơn-ghen (tia X) có

- A. tần số nhỏ hơn tần số của tia hồng ngoại.  
 B. cùng bản chất với sóng âm.  
 C. điện tích âm nên nó bị lệch trong điện trường và từ trường.  
 D. cùng bản chất với tia tử ngoại.

**Câu 25:** Một lăng kính có góc chiết quang  $A = 6^\circ$  (coi là góc nhỏ) được đặt trong không khí. Chiếu một chùm ánh sáng trắng song song, hẹp vào mặt bên của lăng kính theo phương vuông góc với mặt phẳng phân giác của góc chiết quang, rất gần cạnh của lăng kính. Đặt một màn E sau lăng kính, vuông góc với phương của chùm tia tới và cách mặt phẳng phân giác của góc chiết quang 1,2 m. Chiết suất của lăng kính đối với ánh sáng đỏ là  $n_d = 1,642$  và đối với ánh sáng tím là  $n_t = 1,685$ . Độ rộng từ màu đỏ đến màu tím của quang phổ liên tục quan sát được trên màn là

- A. 5,4 mm.                                      B. 36,9 mm.                                      C. 4,5 mm.                                      D. 10,1 mm.

**Câu 26:** Đoạn mạch AB gồm hai đoạn mạch AM và MB mắc nối tiếp. Đoạn mạch AM gồm điện trở thuần  $R_1 = 40 \Omega$  mắc nối tiếp với tụ điện có điện dung  $C = \frac{10^{-3}}{4\pi} F$ , đoạn mạch MB gồm điện trở thuần  $R_2$  mắc nối tiếp với cuộn cảm thuần. Đặt vào A, B điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng và tần số không đổi thì điện áp tức thời ở hai đầu đoạn mạch AM và MB lần lượt là:

$u_{AM} = 50 \sqrt{2} \cos(100\pi t - \frac{7\pi}{12})$  (V) và  $u_{MB} = 150 \cos 100\pi t$  (V). Hệ số công suất của đoạn mạch AB là

- A. 0,84.                                      B. 0,71.                                      C. 0,86.                                      D. 0,95.

**Câu 27:** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sóng cơ?

- A. Sóng cơ truyền trong chất lỏng luôn là sóng ngang.
- B. Bước sóng là khoảng cách giữa hai điểm trên cùng một phương truyền sóng mà dao động tại hai điểm đó cùng pha.
- C. Sóng cơ truyền trong chất rắn luôn là sóng dọc.
- D. Bước sóng là khoảng cách giữa hai điểm gần nhau nhất trên cùng một phương truyền sóng mà dao động tại hai điểm đó cùng pha.

**Câu 28:** Khi nói về một vật dao động điều hoà, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Cơ năng của vật biến thiên tuần hoàn theo thời gian.
- B. Vận tốc của vật biến thiên điều hoà theo thời gian.
- C. Lực kéo về tác dụng lên vật biến thiên điều hoà theo thời gian.
- D. Động năng của vật biến thiên tuần hoàn theo thời gian.

**Câu 29:** Đặt điện áp  $u = U \cos 2\pi ft$  ( $U$  không đổi, tần số  $f$  thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở thuần  $R$ , cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$ . Khi tần số là  $f_1$  thì cảm kháng và dung kháng của đoạn mạch có giá trị lần lượt là  $6 \Omega$  và  $8 \Omega$ . Khi tần số là  $f_2$  thì hệ số công suất của đoạn mạch bằng 1. Hệ thức liên hệ giữa  $f_1$  và  $f_2$  là

- A.  $f_2 = \frac{4}{3} f_1$ .      B.  $f_2 = \frac{3}{2} f_1$ .      C.  $f_2 = \frac{2}{3} f_1$ .      D.  $f_2 = \frac{3}{4} f_1$ .

**Câu 30:** Mạch dao động điện từ LC gồm một cuộn dây có độ tự cảm  $50 \text{ mH}$  và tụ điện có điện dung  $5 \mu\text{F}$ . Nếu mạch có điện trở thuần  $10^{-2} \Omega$ , để duy trì dao động trong mạch với hiệu điện thế cực đại giữa hai bản tụ điện là  $12 \text{ V}$  thì phải cung cấp cho mạch một công suất trung bình bằng

- A.  $36 \mu\text{W}$ .      B.  $36 \text{ mW}$ .      C.  $72 \mu\text{W}$ .      D.  $72 \text{ mW}$ .

**Câu 31:** Hiện tượng quang điện ngoài là hiện tượng electron bị bứt ra khỏi tấm kim loại khi

- A. cho dòng điện chạy qua tấm kim loại này.
- B. tấm kim loại này bị nung nóng bởi một nguồn nhiệt.
- C. chiếu vào tấm kim loại này một bức xạ điện từ có bước sóng thích hợp.
- D. chiếu vào tấm kim loại này một chùm hạt nhân heli.

**Câu 32:** Khi electron ở quỹ đạo dừng thứ  $n$  thì năng lượng của nguyên tử hiđrô được xác định bởi công thức  $E_n = \frac{-13,6}{n^2} \text{ (eV)}$  (với  $n = 1, 2, 3, \dots$ ). Khi electron trong nguyên tử hiđrô chuyển từ quỹ đạo dừng  $n = 3$  về quỹ đạo dừng  $n = 1$  thì nguyên tử phát ra photon có bước sóng  $\lambda_1$ . Khi electron chuyển từ quỹ đạo dừng  $n = 5$  về quỹ đạo dừng  $n = 2$  thì nguyên tử phát ra photon có bước sóng  $\lambda_2$ . Mỗi liên hệ giữa hai bước sóng  $\lambda_1$  và  $\lambda_2$  là

- A.  $\lambda_2 = 5\lambda_1$ .      B.  $27\lambda_2 = 128\lambda_1$ .      C.  $\lambda_2 = 4\lambda_1$ .      D.  $189\lambda_2 = 800\lambda_1$ .

**Câu 33:** Chiếu từ nước ra không khí một chùm tia sáng song song rất hẹp (coi như một tia sáng) gồm 5 thành phần đơn sắc: tím, lam, đỏ, lục, vàng. Tia ló đơn sắc màu lục đi là là mặt nước (sát với mặt phân cách giữa hai môi trường). Không kể tia đơn sắc màu lục, các tia ló ra ngoài không khí là các tia đơn sắc màu:

- A. lam, tím.      B. đỏ, vàng, lam.      C. đỏ, vàng.      D. tím, lam, đỏ.

**Câu 34:** Một sóng hình sin truyền theo phương Ox từ nguồn O với tần số  $20 \text{ Hz}$ , có tốc độ truyền sóng nằm trong khoảng từ  $0,7 \text{ m/s}$  đến  $1 \text{ m/s}$ . Gọi A và B là hai điểm nằm trên Ox, ở cùng một phía so với O và cách nhau  $10 \text{ cm}$ . Hai phần tử môi trường tại A và B luôn dao động ngược pha với nhau. Tốc độ truyền sóng là

- A.  $\sqrt{90} \text{ cm/s}$ .      B.  $100 \text{ cm/s}$ .      C.  $\sqrt{80} \text{ cm/s}$ .      D.  $8\sqrt{3} \text{ cm/s}$ .

**Câu 35:** Đặt điện áp xoay chiều  $u = U_0 \cos \omega t$  ( $U_0$  không đổi và  $\omega$  thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần  $R$ , cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$  mắc nối tiếp, với  $CR^2 < 2L$ . Khi  $\omega = \omega_1$  hoặc  $\omega = \omega_2$  thì điện áp hiệu dụng giữa hai bản tụ điện có cùng một giá trị.



Khi  $\omega \equiv \omega_0$  thì điện áp hiệu dụng giữa hai bản tụ điện đạt cực đại. Hệ thức liên hệ giữa  $\omega_1$ ,  $\omega_2$  và  $\omega_0$  là

A.  $\frac{1}{\omega_0^2} = \frac{1}{2} \left( \frac{1}{\omega_1^2} + \frac{1}{\omega_2^2} \right)$ . B.  $\omega_0 = \frac{1}{2} (\omega_1 + \omega_2)$ . C.  $\omega_0 = \omega_1 \omega_2$ . D.  $\omega_0^2 = \frac{1}{2} (\omega_1^2 + \omega_2^2)$ .

**Câu 36:** Đặt điện áp xoay chiều  $u = U \cdot 2 \cos 100\pi t$  vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở thuần  $R$ , tụ điện có điện dung  $C$  và cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  thay đổi được. Điều chỉnh  $L$  để điện áp hiệu dụng ở hai đầu cuộn cảm đạt giá trị cực đại thì thấy giá trị cực đại đó bằng 100 V và điện áp hiệu dụng ở hai đầu tụ điện bằng 36 V. Giá trị của  $U$  là

A. 48 V. B. 136 V. C. 80 V. D. 64 V.

**Câu 37:** Theo thuyết tương đối, một electron có động năng bằng một nửa năng lượng nghỉ của nó thì electron này chuyển động với tốc độ bằng

A.  $2,75 \cdot 10^8$  m/s. B.  $2,24 \cdot 10^8$  m/s. C.  $1,67 \cdot 10^8$  m/s. D.  $2,41 \cdot 10^8$  m/s.

**Câu 38:** Trong mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do. Thời gian ngắn nhất để năng lượng điện trường giảm từ giá trị cực đại xuống còn một nửa giá trị cực đại là  $1,5 \cdot 10^{-4}$  s. Thời gian ngắn nhất để điện tích trên tụ giảm từ giá trị cực đại xuống còn một nửa giá trị đó là

A.  $6 \cdot 10^{-4}$  s. B.  $3 \cdot 10^{-4}$  s. C.  $12 \cdot 10^{-4}$  s. D.  $2 \cdot 10^{-4}$  s.

**Câu 39:** Khi nói về tia  $\gamma$ , phát biểu nào sau đây sai?

- A. Tia  $\gamma$  không phải là sóng điện từ.
- B. Tia  $\gamma$  không mang điện.
- C. Tia  $\gamma$  có tần số lớn hơn tần số của tia X.
- D. Tia  $\gamma$  có khả năng đâm xuyên mạnh hơn tia X.

**Câu 40:** Một con lắc lò xo đặt trên mặt phẳng nằm ngang gồm lò xo nhẹ có một đầu cố định, đầu kia gắn với vật nhỏ  $m_1$ . Ban đầu giữ vật  $m_1$  tại vị trí mà lò xo bị nén 8 cm, đặt vật nhỏ  $m_2$  (có khối lượng bằng khối lượng vật  $m_1$ ) trên mặt phẳng nằm ngang và sát với vật  $m_1$ . Bỏ nhẹ để hai vật bắt đầu chuyển động theo phương của trục lò xo. Bỏ qua mọi ma sát. Ở thời điểm lò xo có chiều dài cực đại lần đầu tiên thì khoảng cách giữa hai vật  $m_1$  và  $m_2$  là

A. 5,7 cm. B. 3,2 cm. C. 2,3 cm. D. 4,6 cm.

THẦY ĐIỆN HÀ NỘI